

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023-2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	<p>MỤC TIÊU GIÁO DỤC MẦM NON Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi.</p>	
		<p>YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC MẦM NON - Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hòa nhập vào cuộc sống. - Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hòa giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khỏe mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.</p>	
		<p>YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON - Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm- sinh lý; tạo môi trường giáo dục gắn gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.</p>	<p>YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON - Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm/lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.</p>
		<p>YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ - Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế ở địa phương. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.</p>	
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Triển khai và chỉ đạo việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non (Chương trình ban hành kèm theo thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021	
		<p>1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.</p>	<p>1. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.</p>

III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<ul style="list-style-type: none"> - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nhen, khéo léo, thăng bằng). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	<p>2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. <p>3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp. <p>4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện... 	<p>2. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. <p>3. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hàng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...). - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết. <p>4. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có ý thức về bản thân. Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. <p>5. PHÁT TRIỂN THẨM MĨ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng cảm nhận về đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp
		<p>A. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC</p> <p>1. Hoạt động chơi</p> <p>Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng - Trò chơi đóng kịch - Trò chơi học tập - Trò chơi dân gian - Trò chơi đóng vai theo chủ đề - Trò chơi vận động - Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại 	

**IV Các hoạt động hỗ trợ
chăm sóc giáo dục trẻ ở
cơ sở giáo dục mầm non**

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

B. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong lớp:

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hoàng Bảo Trâm



THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2023-2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ	Mẫu giáo		
			18-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	59	22	16	9	12
1	Số trẻ em nhóm ghép					
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày					
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	59	22	16	9	12
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập					
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	59	22	16	9	12
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	59	22	16	9	12
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	59	22	16	9	12
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em					
1	Số trẻ cân nặng bình thường	44	16	13	7	8
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	5	2	2	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	10	4	1	1	4
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	59	22	16	9	12
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	22	22			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	37		16	9	12

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Bảo Trâm

Tp HCM, ngày 20 tháng 06 năm 2024



THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2023-2024**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân m2/trẻ			
I	Tổng số phòng	15				
II	Loại phòng học	8				
1	Phòng học kiên cố	8				
2	Phòng học bán kiên cố	0	-			
3	Phòng học tạm	0				
4	Phòng học nhờ	0	-			
III	Số điểm trường	1	-			
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1654.37 m2	18.4 m2/ trẻ			
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	0				
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1517.7 m2				
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	502.8 m2	7.2 m2/ trẻ			
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	502.8 m2				
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	64.4 m2				
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	114 m2				
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	153.8 m2				
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức	73.6 m2				
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	106.3 m2				
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính:	8bộ				
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy	8				
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với	0				
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	03 bộ				
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	Máy vi tính: 5				
		Máy chiếu: 1				
		Máy in: 1				
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác	179	Số thiết bị/ (lớp)			
1	Ti vi	8	1/ lớp			
2	Nhạc cụ (Đàn piano, ghi ta,)	3				
3	Máy photocopy	1				
4	Thiết bị khác (máy ép nhựa plastic)	3				
5	Đồ chơi ngoài trời	5				
6	Bàn đúng quy cách	50				
7	Ghế đúng quy cách	109				
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng (m²)				
		Dùng cho		Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em
		CBCNV	Chung	Nam/Nữ	Chung	
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	5	0	8	0	0.6 m2/ trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Bảo Trâm



TP HCM, ngày 20 tháng 06 năm 2024

CHỖ TỊCH HỢT

LEE COOK KYUNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
Năm học 2023-2024**

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	28		2					
I	Giáo viên	7			3	3	1		
1	Nhà trẻ	3			2	1			
2	Mẫu giáo	4			1	2	1		
II	Cán bộ quản lý	1				1			
1	Hiệu trưởng	1				1			
2	Phó hiệu trưởng								
III	Nhân viên	20							
1	Nhân viên tuyển sinh	1			1				
2	Nhân viên kế toán	2			1	1			
3	Nhân viên tài xế	2							
4	Nhân viên tạp vụ/ phụ bếp	3							
5	Nhân viên hỗ trợ lớp học người VN	6			4	1		1	
6	Nhân viên hỗ trợ lớp học người nước ngoài	6			6				

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Bảo Trâm



KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

(Số liệu báo cáo này dựa trên BCKT năm)

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Chi số thống kê	Năm 2023	Năm 2022
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	20,075,145,529	13,823,500,951
I	Hỗ trợ thu chi thường xuyên từ nhà đầu tư	4,811,545,645	3,943,762,811
II	Thu giáo dục và đào tạo	15,263,599,884	9,879,738,140
1	Học phí, lệ phí từ người học	15,220,022,290	9,831,651,904
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác	43,577,594	48,086,236
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	0	
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	13,869,289,540	9,011,955,306
I	Chi lương, thu nhập	5,119,333,000	3,816,824,000
1	Chi lương, thu nhập	5,119,333,000	3,816,824,000
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	8,749,956,540	5,195,131,306
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho phát triển độ ngũ		
3	Chi phí chung và chi phí khác	8,749,956,540	5,195,131,306
III	Chi hỗ trợ người học		
	Chi miễn giảm học phí và hỗ trợ học tập		
IV	Chi khác		
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	6,205,855,989	4,811,545,645

(Số liệu lấy từ BCKT năm 2023)

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Bảo Trâm

